



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Ngành: QUẢN LÝ THỦY SẢN
(FISHERIES MANAGEMENT)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản
Tên chương trình	Quản lý Thủy sản
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã số ngành đào tạo	8620305
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	2 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Quản lý Thủy sản
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	4/2022
Quyết định ban hành	Số 569/QĐ-ĐHNT ngày 16/5/2022

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý thủy sản được xây dựng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Nha Trang nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý thủy sản dành cho những người đã tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Thủy sản và các ngành khác có nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý ngành thủy sản.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý thủy sản nhằm giúp cho người học bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động nghề nghiệp với các mục tiêu sau:

1. PEO1: Có tri thức về phương pháp luận và thế giới quan khoa học, ý thức trách nhiệm; năng lực tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến; khả năng sáng tạo, năng lực ngoại ngữ để vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc;

2. PEO2: Có kiến thức khoa học về quản lý nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực thủy sản trong khuôn khổ chính sách nghề cá hiện hành nhằm phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững;
3. PEO3: Có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề trong chuỗi sản xuất nghề cá (nuôi trồng thủy sản, khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ nghề cá) và quản lý, tư vấn, hoạch định chính sách phát triển nghề cá và hội nhập quốc tế;
4. PEO4: Có năng lực quản lý chuyên môn, làm việc độc lập, khả năng tự học và học tập ở các bậc cao hơn để đáp ứng với sự thay đổi trong các lĩnh vực của ngành thủy sản.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý thủy sản, người học có những phẩm chất và năng lực sau:

1. PLO1: Có cơ sở lý luận triết học áp dụng cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực đào tạo; vận dụng các kiến thức nền tảng về phương pháp luận khoa học, quản trị, quản lý để phát triển nghề nghiệp; có trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;
2. PLO2: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ và khả năng truyền đạt tri thức để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực thủy sản; đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam;
3. PLO3: Áp dụng các kiến thức chuyên môn để hoạch định, tổ chức, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong lĩnh vực thủy sản;
4. PLO4: Tham mưu, đề xuất, tư vấn và tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án trong công tác quản lý nghề cá;
5. PLO5: Vận dụng cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác quản lý hoạt động thủy sản, nâng cao hiệu quả sản xuất;
6. PLO6: Ứng dụng công cụ, phương tiện hiện đại phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển nghề cá;
7. PLO7: Điều hành, quản lý chuyên môn một cách khoa học, làm việc độc lập và làm việc nhóm chuyên nghiệp, tự học tập, sáng tạo và hội nhập.

V. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs						
	1	2	3	4	5	6	7
1	x	x					x
2			x		x		x
3			x	x		x	
4	x	x					x

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan, đơn vị về lĩnh vực thủy sản và nông nghiệp như Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổng cục Thủy sản và Chi cục Thủy sản các địa phương.
2. Cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp thủy sản, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá.
3. Giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng; nghiên cứu viên trong các viện/trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực thủy sản.

VII. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp và ngành gần; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

TT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Ngành đúng	Không	-
	- Quản lý thủy sản. - Khai thác thủy sản (Kỹ thuật Khai thác thủy sản, Khai thác hàng hải thủy sản, Khai thác - Hàng hải, An toàn Hàng hải, Công nghệ Khai thác thủy sản). - Khoa học thủy sản - Nuôi trồng Thủy sản; Bệnh học Thủy sản; Quản lý nguồn lợi thủy sản - Chế biến thủy sản		
2	Ngành gần, ngành phù hợp	Có	
	- Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch - Kỹ thuật tàu thủy; Cơ khí thủy sản; Khoa học hàng hải - Kinh tế nông nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế; Kinh doanh thương mại; Kinh tế phát triển; Kinh tế thủy sản		

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng có bằng đại học ngành gần hoặc phù hợp phải học bổ túc tổng khối lượng các học phần không quá 12 tín chỉ. Học viên sẽ chọn trong số các học phần sau:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	FIT348	Khai thác thủy sản	4
2	FIT308	Quản lý thủy sản 1 (Nuôi trồng thủy sản+Chế biến thủy sản)	4
3	FIT309	Quản lý thủy sản 2 (Quản lý khai thác thủy sản)	4
4	FIT333	Hải dương học nghề cá	3
5	FIT361	Nghề cá bền vững	3
6	FIT316	Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản	4

3. Phương thức xét tuyển

Xét tuyển hoặc xét tuyển kết hợp với thi tuyển theo đề án tuyển sinh từng năm.

VIII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Phần	Nội dung		Khối lượng	Tỷ lệ
1	Tổng quát		14 TC	23,3%
	Bắt buộc	Học phần Triết học (3 tín chỉ) Tiếng Anh học thuật (6 tín chỉ)	9 TC	15%
	Tự chọn	Các học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát bổ trợ và phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghề nghiệp hiệu quả.	5 TC	8,3%
		<i>Nhóm 1:</i> khối kiến thức về quản lý, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. <i>Nhóm 2:</i> khối kiến thức và kỹ năng về phương pháp luận khoa học, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, năng lực ngôn ngữ học thuật		
2	Ngành và chuyên ngành		31 TC	51,7%
	Bắt buộc	Các học phần có nội dung thiết yếu của ngành, chuyên ngành nhằm bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.	19 TC	31,7%

	Tự chọn	Các học phần mở rộng và nâng cao kiến thức của ngành, liên ngành hoặc đa dạng hoá hướng chuyên môn.	12 TC	20%
3	Thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai			
	Bắt buộc	Thực tập, đi thực tế, trải nghiệm sản xuất; nghiên cứu triển khai, kiểm nghiệm, ứng dụng lý thuyết, khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản lý.	6 TC	10%
4	Tốt nghiệp			
	Bắt buộc	<i>Học phần tốt nghiệp:</i> Đồ án tốt nghiệp	9 TC	15%
Tổng số tín chỉ của chương trình			60 TC	100%

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức tổng quát		14	
1.1. Các học phần bắt buộc		9	
POS501	Triết học/ <i>Philosophy</i>	3(3-0)	
FLS501	Tiếng Anh học thuật 1	3(3-0)	
FLS502	Tiếng Anh học thuật 2	3(3-0)	
1.2. Các học phần tự chọn		5	
BUA525	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	3(3-0)	
BUA529	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	3(3-0)	
GS510	Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo/ <i>Critical and Creative Thinking</i>	2(2-0)	
GS512	Phương pháp luận khoa học/ <i>Scientific Methodology</i>	2(2-0)	
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		31	
2.1. Các học phần bắt buộc		19	
FIM505	Quản lý nguồn lợi thủy sản/ <i>Aquatic resources management</i>	4(3-1)	
FIM509	Quản lý nghề cá/ <i>Fisheries management</i>	3(2-1)	
NAV502	Hợp tác quốc tế và nghề cá có trách nhiệm/ <i>International cooperation in responsible fishing</i>	3(2-1)	
FIM512	Chính sách nghề cá/ <i>Policies for fisheries</i>	3(3-0)	
QFS501	Quản lý an toàn thực phẩm đối với nghề cá/ <i>Food safety management in fisheries</i>	3(2-1)	

AQ556	Quản lý nuôi trồng thủy sản/ <i>Management for aquaculture</i>	3(2-1)	
2.2. Các học phần tự chọn		12	
FIM504	Quản lý tổng hợp vùng bờ/ <i>Integrated coastal zone management</i>	3(2-1)	
FIT511	Khai thác cá có chọn lọc/ <i>Selective fishing</i>	3(2-1)	
AQ555	Sinh thái học nghề cá/ <i>Fisheries ecology</i>	3(2-1)	
FIM510	Điều tra và thống kê nghề cá/ <i>Fisheries survey and statistics</i>	3(2-1)	
TRE501	Thương mại thủy sản và Logistics/ <i>Fisheries trade and Logistics</i>	3(3-0)	
FIT501	Lý thuyết khai thác cá/ <i>Theory of fishing</i>	3(2-1)	
NAV510	Tìm kiếm cứu nạn và giám sát tàu cá trên biển/ <i>Surveillance and search, rescue for fishing vessels</i>	3(2-1)	
FIM511	Ứng dụng viễn thám và hệ thống tin địa lý trong quản lý thủy sản/ <i>Remote sensing and GIS application for fisheries management</i>	3(2-1)	
3. Thực tập/hoặc nghiên cứu khoa học		6	
FIM513	Thực tập quản lý thủy sản	6(1-5)	
4. Tốt nghiệp		9	
FIM7900	Đồ án tốt nghiệp thạc sĩ/ <i>Master project</i>	9	
Tổng cộng		60	

2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra (PLOs)						
				1	2	3	4	5	6	7
I	Kiến thức chung									
	Các HP bắt buộc									
1	POS501	Triết học	3	M						
2	FLS501	Tiếng Anh học thuật 1	3		M					
3	FLS502	Tiếng Anh học thuật 2	3		M					
	Các HP tự chọn									
4	BUA525	Khoa học quản lý	3	M				R		
5	BUA529	Quản lý dự án	3	M			M			R
6	GS510	Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo	2	M	M					
7	GS512	Phương pháp luận khoa học	2	M	M					R
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành									

	Các HP bắt buộc									
8	FIM505	Quản lý nguồn lợi thủy sản	4			M	M	R		M
9	FIM509	Quản lý nghề cá	3			M	M	M		M
10	NAV502	Hợp tác quốc tế và nghề cá có trách nhiệm	3			R				M
11	FIM512	Chính sách nghề cá	3			R	M			
12	AQ556	Quản lý nuôi trồng thủy sản	3			M	M	M		M
13	QFS501	Quản lý an toàn thực phẩm đối với nghề cá	3			M	M	M		M
	Các HP tự chọn									
14	FIM504	Quản lý tổng hợp vùng bờ	3			R	M		M	R
15	FIT501	Lý thuyết khai thác cá	3			R				
16	FIT511	Khai thác cá có chọn lọc	3			M			M	
17	TRE501	Thương mại thủy sản và Logistics	3				M	M		
18	FIM510	Điều tra và thống kê nghề cá	3						M	M
19	AQ555	Sinh thái học nghề cá	3			R				
20	NAV510	Tìm kiếm cứu nạn và giám sát tàu cá trên biển	3			M		M	M	
21	FIM511	Ứng dụng viễn thám và hệ thống tin địa lý trong quản lý thủy sản	3					R	M	
III Thực tập										
22	FIM513	Thực tập quản lý thủy sản	6						M	M
IV Tốt nghiệp										
23	FIM7900	Đồ án tốt nghiệp thạc sĩ	9						M	M

X. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch tiêu chuẩn trong 4 học kỳ: 3 học kỳ đầu học các học phần kiến thức chung, kiến thức ngành và chuyên ngành, học kỳ thứ tư thực hiện thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai và/hoặc làm luận văn, đề án tốt nghiệp.

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu. Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Sau Đại học và cố vấn học tập (nếu có) hoặc Ban chủ nhiệm chương trình tư vấn học viên đăng ký các học phần tự chọn phù hợp với hướng chuyên môn của học viên.

Các phương pháp và hoạt động dạy - học nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra; các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng được công bố công khai và được thực hiện một cách phù hợp và hiệu quả trong quá trình tổ chức đào tạo.

Các hoạt động hỗ trợ người học như cho mượn, truy cập tài liệu tại Thư viện, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập và nghiên cứu, giới thiệu nơi thực tập... được Nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

TRƯỜNG KHOA/VIỆN



BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT

